

Bản án số: 386/2017/HSST

Ngày: 05/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Hóa

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bảo Nguyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 423/2017/TLST- HS ngày 13 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2017/QĐXX-ST ngày 13/11/2017 đối với các bị cáo:

1. LƯƠNG VĂN H, sinh năm 1995 tại Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Tày; Con ông: Lương Văn H và bà Hoàng Thị D; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt khẩn cấp ngày 18/07/2017, bị tạm giữ ngày 18/07/2017, hủy bỏ tạm giữ ngày 21/07/2017. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. TRIỆU ĐỨC U, sinh ngày 17/11/1999 tại Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Con ông: Triệu Đức B và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo U: Bà Phạm Thị H - Luật sư Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội - Có mặt

Người bị hại:

1. Anh Lại Văn Q - sinh năm 1987

Đăng ký HKTT: Xóm 5, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định

Chỗ ở: Tổ 15, phường L, quận H, Hà Nội - Vắng mặt

2. Anh Quách Văn M - sinh năm 1992

Đăng ký HKTT: Xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình

Chỗ ở: Tổ 15, phường L, quận H, Hà Nội - Vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Triệu Đức B - sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện L, tỉnh Y - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/07/2017, Triệu Đức U đi cùng Lương Văn H từ quê xuống Hà Nội tìm việc làm. Trên đường đi, H rủ U đi trộm cắp tài sản, nếu trót lọt, mỗi ngày H cho U từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng. U đồng ý. Tối ngày 17/07/2017, cả hai đến phòng trọ của chị Nguyễn Thị Lan A (sinh năm 1997, trú tại: xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên) là bạn gái của H ngủ nhờ. Khoảng 00 giờ 00 ngày 18/07/2017, U điều khiển xe máy chở H đến khu lán trọ thuộc tổ 15, phường L, quận H, Hà Nội. Đến nơi, H bảo U dừng lại, đứng ngoài cảnh giới, H đi một mình vào trong lán, thấy lán trọ mở cửa, bên trong có nhiều người đang nằm ngủ. H vào trộm cắp của anh Lại Văn Q 03 chiếc điện thoại (gồm 01 điện thoại di động Iphone 6 plus, 01 điện thoại di động Iphone 6, 01 điện thoại di động Samsung), sau đó, thấy lán đối diện cũng đang mở cửa, H vào và trèo thang lên gác xép lấy của anh Quách Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia. H cho cả 04 chiếc điện thoại vào túi quần trước đi ra gặp U, H nói với U đã trộm cắp được 04 chiếc điện thoại. Sau đó, cả hai quay về phòng trọ của chị A ngủ. Khoảng 13 giờ 30 ngày 18/07/2017, khi H và U đang ở phòng trọ của chị A thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt giữ, thu giữ tang vật.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 267/HĐĐG ngày 04/08/2017 kết luận: 01 điện thoại Iphone 6 Plus có giá trị 6.200.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6 có giá trị 6.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung có giá trị 600.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia trị giá 500.000 đồng. **Tổng giá trị tài sản là: 13.300.000 đồng.**

Ngày 29/08/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hoàng Mai đã trao trả người bị hại 04 chiếc điện thoại di động. Anh Lại Văn Q, anh Quách Văn M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số 388/CT-VKS ngày 09 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai truy tố Lương Văn H, Triệu Đức U về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm h,p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 60 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo, xử phạt: Lương Văn H từ 14 đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 28 đến 32 tháng; Triệu Đức U từ 06 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 12 đến 20 tháng. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng, căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự, điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo H 01 điện thoại Iphone 4 màu đen, 01 điện thoại Oppo màu trắng; Trả lại bị cáo U 01 điện thoại Iphone 4 màu trắng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lương Văn H, Triệu Đức U khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh cáo trạng Viện kiểm sát truy tố tại phiên tòa là đúng.

Người bào chữa cho bị cáo U - Luật sư Phạm Thị H không có ý kiến gì về tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo U phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản có giá trị không lớn, đã được thu hồi trả người bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có ông, bà nội là người có công với cách mạng để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 69, Điều 73, Điều 31 Bộ luật hình sự.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo H, bị cáo U đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hoàng

Mai, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy quy định của Pháp luật.

Ngày 18/07/2017, bằng thủ đoạn lén lút, Lương Văn H, Triệu Đức U đã chiếm đoạt 04 chiếc điện thoại di động có tổng giá trị là 13.300.000 đồng là tài sản thuộc sở hữu của người khác. *Trong đó, chiếm đoạt của anh Lại Văn Q 01 điện thoại Iphone 6 Plus ,01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại Samsung có tổng giá trị là 12.800.000đồng; chiếm đoạt của anh Quách Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia có giá trị 500.000 đồng.* Đối chiếu quy định của Pháp luật, Lương Văn H, Triệu Đức U đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự .Viện kiểm sát truy tố các bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ Pháp lý.

Trong vụ án, chị Nguyễn Thị Lan A là người đã cho các bị cáo ngủ nhờ trước và sau khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng do chị A không biết gì về hành vi phạm tội của các bị cáo nên không có căn cứ để xử lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, để đấu tranh phòng chống tội phạm, trong đó có tội xâm phạm sở hữu, góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng Pháp luật hình sự.

Xét vai trò của từng bị cáo: H là người khởi xướng, rủ rê U tham gia việc trộm cắp tài sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. U sau khi đồng ý tham gia cùng H đã dùng phương tiện của mình chở H đến địa điểm có tài sản và làm nhiệm vụ cảnh giới cho H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xét trong vụ án, H giữ vai trò chính, U là đồng phạm với vai trò giúp sức.

Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Để cải tạo, giáo dục bị cáo và làm bài học răn đe người khác, cần áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo. Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết: *Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo H có ông nội là ông Lương Ngọc N; bị cáo Uyn có ông, bà nội là ông Triệu Đức B, bà Hoàng Thị T là người có công với cách*

mạng, được tặng thưởng huân, huy chương; bị cáo U khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội bằng hình phạt tù giam mà có thể cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương (cho hưởng án treo)

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền

Về dân sự: Người bị hại, người liên quan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Về vật chứng: Khi bắt giữ bị cáo, cơ quan công an thu giữ của bị cáo H 01 điện thoại di động Iphone 4, 01 điện thoại di động Oppo; Thu giữ của bị cáo U 01 điện thoại di động Iphone 4 và 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha BKS 21C1-135.31.

Đối với chiếc xe máy thu giữ của U, qua xác minh là tài sản thuộc sở hữu của ông Triệu Đức B (bố đẻ U). Ông B cho U mượn làm phương tiện đi lại, không biết U sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại ông B chiếc xe này.

Đối với 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo H, U, xét đây là tài sản của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 99 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố : Lương Văn H, Triệu Đức U phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự

Xử phạt:

Lương Văn H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 24 (hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án

Triệu Đức U 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án

Giao bị cáo Lương Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Giao bị cáo Triệu Đức U cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự

Về vật chứng: (Hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai theo Biên bản giao nhận vật chứng số 47/2018 BBVC ngày 21/11/2017), Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Lương Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu động Iphone 4 màu đen, có số Imei: 013184006115270, 01 điện thoại di động Oppo màu trắng, có số Imei1: 863008038959911, Imei 2: 863008038959903; Trả lại bị cáo Triệu Đức U 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng có số Imei: 013127002461461 nhưng tạm giữ 03 điện thoại của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng,
- VKSND Q. Hoàng Mai,
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai,
- Công an quận Hoàng Mai,
- TAND thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Diệu Thúy